

Số: 1903/QĐ-BVĐHYD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21. tháng 06 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu
Cung cấp bổ sung hóa chất xét nghiệm và vật tư năm 2023 (lần 2)**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 3639/2000/QĐ-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 727/QĐ-BYT ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 1406/QĐ-BVĐHYD ngày 15 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp bổ sung hóa chất xét nghiệm và vật tư năm 2023 (lần 2);

Theo đề nghị của Tổ Chuyên gia tại Tờ trình số 02/TTr-TCG ngày 16 tháng 06 năm 2023 về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp bổ sung hóa chất xét nghiệm và vật tư năm 2023 (lần 2) và Báo cáo thẩm định số 02/BCTĐ-TTĐ ngày 17. tháng 06 năm 2023 của Tổ Thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp bổ sung hóa chất xét nghiệm và vật tư năm 2023 (lần 2).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp bổ sung hóa chất xét nghiệm và vật tư năm 2023 (lần 2) với các nội dung sau:

- Danh sách nhà thầu trúng thầu:

STT	Tên nhà thầu	Số sản phẩm trúng thầu	Giá trúng thầu (VND)
1	Công ty Cổ phần Medcomtech	3	2.548.452.000
2	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Chương Nhân	6	1.809.423.180
3	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	42	4.822.835.283
4	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Y Tế Nam Trung	1	2.100.000
5	Công ty Cổ phần Thiết bị Sài Gòn	2	3.208.476.500
6	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	21	260.454.899
7	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên	15	6.557.966.214
Tổng cộng		90	19.209.708.076



- Giá trúng thầu: 19.209.708.076 VND (Bằng chữ: Mười chín tỷ, hai trăm lẻ chín triệu, bảy trăm lẻ tám ngàn, bảy mươi sáu đồng);

Giá trên đã bao gồm thuế, phí và các chi phí có liên quan;

- Danh mục chi tiết đính kèm;
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh .

Điều 2. Khoa Dược chịu trách nhiệm hoàn thiện hợp đồng đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông/Bà Trưởng phòng Hành chính, Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng Đơn vị Quản lý đấu thầu, Trưởng Khoa Dược và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TCG (B03-059-nhnga) (10).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Bắc

PHỤ LỤC 1. DANH SÁCH SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số 1903/QĐ-BVĐHYD ngày 21 tháng 6 năm 2023)

Phần 1. Danh sách sản phẩm trúng thầu

STT	Tên nhà thầu	STT theo HSYC	Tên hàng	Tên thương mại	Mã hàng	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại mức độ rủi ro	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền (VND)
1. Công ty Cổ phần Medcomtech										Tổng cộng: 03 danh mục				2.548.452.000 VND	
1	1	1	Ông nghiệm lấy máu chân không, chứa chống đông Lithium Heparin 4mL, nắp màu hồng	Ông nghiệm lấy máu chân không, chứa chống đông Lithium Heparin 4mL, nắp màu hồng	12032	200000163/PCB A-BN	Vacutest Kima S.r.l/Ý	Vacutest Kima S.r.l	Ý	A	1.000 Ông/Thùng	Ông	450.000	2.409	1.084.050.000
2	2	2	Ông nghiệm lấy máu chân không, chứa chống đông Lithium Heparin 2mL	Ông nghiệm lấy máu chân không, chứa chống đông Lithium Heparin 2mL	12005	200000163/PCB A-BN	Vacutest Kima S.r.l/Ý	Vacutest Kima S.r.l	Ý	A	1.000 Ông/Thùng	Ông	590.000	2.409	1.421.310.000
3	3	3	Ông nghiệm lấy máu chân không, chứa chống đông EDTA K2 2mL	Ông nghiệm lấy máu chân không, chứa chống đông EDTA K2 2mL	13505	200000163/PCB A-BN	Vacutest Kima S.r.l/Ý	Vacutest Kima S.r.l	Ý	A	1.000 Ông/Thùng	Ông	18.000	2.394	43.092.000
2. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Chương Nhân										Tổng cộng: 06 danh mục				1.809.423.180 VND	
4	1	4	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và biến thể Hb (HbC)	Eluent 90B	105725	230000142/PCB B-HN	Arkray Factory, Inc./ Nhật Bản	Arkray Factory, Inc.	Nhật Bản	B	600 ml x 2/hộp	mL	43.200	4.166	179.971.200
5	2	5	Cột chứa hóa chất xét nghiệm HbA1C theo phương pháp HPLC	Column Unit 90	107369	230000142/PCB B-HN	Arkray Factory, Inc./ Nhật Bản	Arkray Factory, Inc.	Nhật Bản	B	4000 test/hộp	Test	36.000	8.800	316.800.000
6	3	6	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và làm bền cột sắc ký	Eluent 90A	105724	230000142/PCB B-HN	Arkray Factory, Inc./ Nhật Bản	Arkray Factory, Inc.	Nhật Bản	B	600 ml x 4/hộp	mL	72.000	7.080	509.760.000
7	4	7	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và biến thể Hb (HbS)	Eluent 90CV	105726	230000142/PCB B-HN	Arkray Factory, Inc./ Nhật Bản	Arkray Factory, Inc.	Nhật Bản	B	600 ml x 2/hộp	mL	60.000	4.166	249.960.000
8	5	8	Dung dịch pha loãng mẫu máu toàn phần khi xét nghiệm HbA1C	Hemolysis Washing Solution 90H	107374	230000142/PCB B-HN	Arkray Factory, Inc./ Nhật Bản	Arkray Factory, Inc.	Nhật Bản	B	2 Lít x 3/hộp	Lít	192	2.833.000	543.936.000
9	6	9	Hóa chất kiểm chuẩn của máy HbA1C	extendSURE HbA1c Lyophilised Controls	71287	230000401/PCB B-HN	Canterbury Scientific Limited/ New Zealand	Canterbury Scientific Limited	New Zealand	B	0,25ml x 8/hộp	mL	4	2.248.995	8.995.980

STT	Tên nhà thầu	STT theo HSYC	Tên hàng	Tên thương mại	Mã hàng	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại mức độ rủi ro	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền (VND)		
3. Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm															Tổng cộng: 42 danh mục		4.822.835.283 VND
10	1	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	10	Dung dịch kiểm chuẩn xét nghiệm miễn dịch mức thấp	MAS Omni IMMUNE PRO	OPRO-101	4870NK/BYT-TB-CT	Microgenics Corporation, Mỹ	Microgenics Corporation, Mỹ	Mỹ	C	1x5mL/Lọ	Lọ	8	3.163.650	25.309.200	
11	2	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	11	Dung dịch kiểm chuẩn xét nghiệm miễn dịch mức trung bình	MAS Omni IMMUNE PRO	OPRO-202	4870NK/BYT-TB-CT	Microgenics Corporation, Mỹ	Microgenics Corporation, Mỹ	Mỹ	C	1x5mL/Lọ	Lọ	8	3.163.650	25.309.200	
12	3	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	12	Dung dịch kiểm chuẩn xét nghiệm miễn dịch mức cao	MAS Omni IMMUNE PRO	OPRO-303	4870NK/BYT-TB-CT	Microgenics Corporation, Mỹ	Microgenics Corporation, Mỹ	Mỹ	C	1x5mL/Lọ	Lọ	8	3.163.650	25.309.200	
13	4	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	13	C. Difficile Toxins A&B control set (Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính độc tính A và B của vi khuẩn Clostridium difficile)	LIAISON C. difficile Toxins A&B Control Set	318901	8944NK/BYT-TB-CT	Diasorin Inc., Mỹ	Diasorin Inc., Mỹ	Mỹ	C	Hộp: 2x6ml+6x2ml	Hộp	1	3.416.700	3.416.700	
14	5	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	14	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm sàng lọc phát hiện kháng nguyên của vi khuẩn C.Difficile	LIAISON C. difficile GDH Control Set	318911	8944NK/BYT-TB-CT	Diasorin Inc., Mỹ	Diasorin Inc., Mỹ	Mỹ	C	Hộp: 2x6ml+6x2ml	Hộp	1	3.416.700	3.416.700	
15	6	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	15	Dung dịch kiểm chuẩn HBsAg Qc	Access HBs Ag QC	A24294	829/BYT-TB-CT	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Bio-Rad, Pháp sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Pháp	D	Hộp: 3x4mL+3x4mL	mL	60	263.760	15.825.600	
16	7	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	16	Dung dịch kiểm chuẩn CK-MB Control mức thấp	CK-MB CONTROL SERUM LEVEL 1	ODR30035	2100233ĐKLH/BYT-TB-CT	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Aalto Scientific Ltd., Mỹ sản xuất cho Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Mỹ	C	1x2ml/lọ	mL	14	214.725	3.006.150	
17	8	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	18	Chất chuẩn calib cho xét nghiệm CRP hs	CRP LATEX CALIBRATOR HIGHLY SENSITIVE (HS) SET	ODC0027	2100282ĐKLH/BYT-TB-CT	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Denka Co. Ltd., Nhật Bản sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Nhật Bản	B	Hộp: 5x2ml	mL	10	1.081.605	10.816.050	
18	9	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	19	Hóa chất kiểm chuẩn HbA1c Control bằng phương pháp đo độ đục	extendSURE HbA1c Liquid Controls	B12396	220002976/PCB B-BYT	Canterbury Scientific Limited, New Zealand	Canterbury Scientific Limited, New Zealand	New Zealand	B	Hộp: 2x1ml+2x1ml	mL	4	2.347.527	9.390.108	
19	10	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	20	Hóa chất kiểm chuẩn HDL/LDL-Cholesterol Control	HDL/LDL CHOLESTEROL CONTROL SERUM	ODC0005	220002841/PCB B-BYT	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	SERO AS, Na Uy sản xuất cho Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Na Uy	B	1x5mL/Lọ	mL	309	150.570	46.526.130	

STT	Tên nhà thầu	STT theo HSYC	Tên hàng	Tên thương mại	Mã hàng	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại mức độ rủi ro	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền (VND)
20	11 Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	21	Hóa chất kiểm chuẩn ITA Control mức 1	ITA CONTROL SERUM LEVEL 1	ODC0014	2100228ĐKLH/B YT-TB-CT	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Clinica Corporation, Mỹ sản xuất cho Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Mỹ	B	1x2ml/Lọ	mL	14	1.663.725	23.292.150
21	12 Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	22	Hóa chất kiểm chuẩn ITA Control mức 2	ITA CONTROL SERUM LEVEL 2	ODC0015	2100228ĐKLH/B YT-TB-CT	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Clinica Corporation, Mỹ sản xuất cho Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Mỹ	B	1x2ml/Lọ	mL	30	1.663.725	49.911.750
22	13 Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	23	Hóa chất kiểm chuẩn ITA Control mức 3	ITA CONTROL SERUM LEVEL 3	ODC0016	2100228ĐKLH/B YT-TB-CT	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Clinica Corporation, Mỹ sản xuất cho Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Mỹ	B	1x2ml/Lọ	mL	30	1.663.725	49.911.750
23	14 Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	24	Chất chuẩn mẫu nước tiểu Control mức 1;2	MAS UnichemTrak	UR-MP	220002886/PCB B-BYT	Microgenics Corporation, Mỹ	Microgenics Corporation, Mỹ	Mỹ	B	Hộp: 6x15mL	mL	90	48.531	4.367.790
24	15 Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	25	Dung dịch kiểm chuẩn cho xét nghiệm đông máu mức bất thường cao	HemosIL High Abnormal Control ASSAYED	0020003310	2100386ĐKLH/B YT-TB-CT	Instrumentation Laboratory Company, Mỹ	Instrumentation Laboratory Company, Mỹ	Mỹ	C	Hộp: 10x1mL	mL	25	292.950	7.323.750
25	16 Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	26	Dung dịch kiểm chuẩn HIV Combo QC	Access HIV combo QC	A59430	4141/BYT-TB-CT	Bio-Rad, Pháp	Bio-Rad, Pháp	Pháp	D	Hộp: 2x4.4mL+2x4.4mL+2x4.4mL	Hộp	2	4.541.250	9.082.500
26	17 Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	27	Dung dịch kiểm chuẩn HCV Ab V3 QC	Access HCV Ab V3 QC	B33460	4971/BYT-TB-CT	Bio-Rad, Pháp	Bio-Rad, Pháp	Pháp	D	Hộp: 2x2x3.5mL	mL	35	435.897	15.256.395
27	18 Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	28	Dung dịch kiểm chuẩn Rubella IgG QC	ACCESS RUBELLA IgG QC	34439	8085NK/BYT-TB-CT	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Bio-Rad, Pháp sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Pháp	C	Hộp: 3x2.5ml+3x2.5ml	mL	30	472.626	14.178.780
28	19 Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	29	Dung dịch kiểm chuẩn Rubella IgM QC	ACCESS RUBELLA IgM QC	34449	8085NK/BYT-TB-CT	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Bio-Rad, Pháp sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Pháp	C	Hộp: 3x2.5ml+3x2.5ml	mL	30	759.486	22.784.580
29	20 Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	30	Hóa chất control kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng hormon tăng trưởng	LIAISON Control hGH	310341	220003448/PCB B-BYT	DiaSorin Italia S.p.A., Ý	DiaSorin Italia S.p.A., Ý	Ý	B	Hộp: 2x1.5ml+2x1.5ml	Hộp	1	3.969.000	3.969.000
30	21 Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	33	Control Measles IgM (Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với virus Sởi)	LIAISON Control Measles IgM	318821	11913NK/BYT-TB-CT	DiaSorin S.p.A., Ý	DiaSorin S.p.A., Ý	Ý	C	Hộp: 2x0.7ml+2x0.7ml	Hộp	1	3.845.100	3.845.100

STT	Tên nhà thầu	STT theo HSYC	Tên hàng	Tên thương mại	Mã hàng	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại mức độ rủi ro	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	
31	22	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	34	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng kháng thể đặc hiệu IgG với Mycoplasma pneumoniae	LIAISON Control Mycoplasma pneumoniae IgG	317021	2100377ĐKLH/BYT-TB-CT	DiaSorin S.p.A., Ý	DiaSorin S.p.A., Ý	Ý	B	Hộp: 2x0.5ml+2x0.5ml	Hộp	1	3.197.250	3.197.250
32	23	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	35	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu IgM với Mycoplasma pneumoniae	LIAISON Control Mycoplasma pneumoniae IgM	317031	2100332ĐKLH/BYT-TB-CT	DiaSorin Italia S.p.A., Ý	DiaSorin Italia S.p.A., Ý	Ý	B	Hộp: 2x0.7ml+2x0.7ml	Hộp	1	3.197.250	3.197.250
33	24	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	36	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus Sởi	LIAISON Control Measles IgG	318811	11913NK/BYT-TB-CT	DiaSorin S.p.A., Ý	DiaSorin S.p.A., Ý	Ý	C	Hộp: 2x0.7ml+2x0.7ml	Hộp	1	3.097.500	3.097.500
34	25	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	37	Dung dịch kiểm chuẩn CMV IgG QC	ACCESS CMV IgG QC	A40704	8085NK/BYT-TB-CT	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Bio-Rad, Pháp sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Pháp	C	Hộp: 3x2.5ml+3x2.5ml	Hộp	1	11.076.450	11.076.450
35	26	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	38	Dung dịch kiểm chuẩn CMV IgM QC	Access CMV IgM QC	A40707	2100499ĐKLH/BYT-TB-CT	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Bio-Rad, Pháp sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Pháp	C	Hộp: 3x2.5ml+3x2.5ml	Hộp	1	11.076.450	11.076.450
36	27	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	39	Xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu IgM với Mycoplasma pneumoniae	LIAISON Mycoplasma pneumoniae IgM	317030	2100332ĐKLH/BYT-TB-CT	DiaSorin Italia S.p.A., Ý	DiaSorin Italia S.p.A., Ý	Ý	B	Hộp/50test	Hộp	1	5.953.500	5.953.500
37	28	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	40	Hóa chất control kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng calcitonin	LIAISON Calcitonin II-Gen Control Set	310651	220003469/PCB-B-BYT	Diasorin Inc., Mỹ	Diasorin Inc., Mỹ	Mỹ	B	Hộp: 4x2ml+4x2ml	Hộp	1	4.079.250	4.079.250
38	29	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	41	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng kháng thể đặc hiệu IgG với Chlamydia trachomatis control	LIAISON Control Chlamydia trachomatis IgG	310571	11913NK/BYT-TB-CT	DiaSorin S.p.A., Ý	DiaSorin S.p.A., Ý	Ý	C	Hộp: 2x0.8ml+2x0.8ml	Hộp	1	3.203.550	3.203.550
39	30	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	42	Hóa chất kiểm chuẩn control cho xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu IgA với Chlamydia trachomatis	LIAISON Control Chlamydia trachomatis IgA	310581	11913NK/BYT-TB-CT	DiaSorin S.p.A., Ý	DiaSorin S.p.A., Ý	Ý	C	Hộp: 2x0.8ml+2x0.8ml	Hộp	1	3.203.550	3.203.550
40	31	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	44	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với virus gây bệnh Quai bị	LIAISON Control Mumps IgM	318831	11913NK/BYT-TB-CT	DiaSorin S.p.A., Ý	DiaSorin S.p.A., Ý	Ý	C	Hộp: 2x0.7ml+2x0.7ml	Hộp	1	3.845.100	3.845.100

STT	Tên nhà thầu	STT theo HSYC	Tên hàng	Tên thương mại	Mã hàng	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại mức độ rủi ro	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	
41	32	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	45	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus gây bệnh Quai bị	LIAISON Control Mumps IgG	318841	11913NK/BYT-TB-CT	DiaSorin S.p.A., Ý	DiaSorin S.p.A., Ý	Ý	C	Hộp: 2x0.7ml+2x0.7ml	Hộp	1	3.096.450	3.096.450
42	33	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	48	Dung dịch kiểm chuẩn ADA Control mức 1 and 2	ADA CONTROLS	18048	220002667/PCB B-BYT	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	B	Hộp: 2x1mL	Hộp	2	951.300	1.902.600
43	34	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	49	Hóa chất nội kiểm Interleukin 6	ACCESS IL-6 QC	A16371	220001206/PCB B-BYT	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Mỹ	B	Hộp: 2x2.5mL+2x2.5mL+2x2.5mL	Hộp	1	7.067.550	7.067.550
44	35	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	50	Dung dịch kiểm chuẩn xét nghiệm tìm mạch	MAS CardioImmune XL	CAL-XL4	4870NK/BYT-TB-CT	Microgenics Corporation, Mỹ	Microgenics Corporation, Mỹ	Mỹ	C	Hộp: 6x3ml	Hộp	1	5.898.900	5.898.900
45	36	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	51	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm định lượng Thyroglobulin (Tg) ở người.	LIAISON Control Tg II Gen	317221	2100850ĐKLH/BYT-TB-CT	DiaSorin S.p.A., Ý	DiaSorin Deutschland GmbH, Đức sản xuất cho DiaSorin S.p.A., Ý	Đức	B	Hộp: 2x1ml+2x1ml	Hộp	1	3.969.000	3.969.000
46	37	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	52	Hóa chất định lượng HbA1c nguyên tắc sắc ký ái lực	Premier Affinity A1c 500	09-03-0008	220002873/PCB B-BYT	Trinity Biotech, Mỹ	Trinity Biotech, Mỹ	Mỹ	B	500tests/Bộ	Bộ	108	26.869.500	2.901.906.000
47	38	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	53	Dung dịch kiểm chuẩn HbA1c (GHb) Control	HbA1c (GHb) Controls Kit, 500 µL (Levels I & II)	01-04-0020	2100235ĐKLH/BYT-TB-CT	Trinity Biotech, Mỹ	Trinity Biotech, Mỹ	Mỹ	B	2x500µl	Hộp	6	6.615.000	39.690.000
48	39	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	54	Dung dịch kiểm chuẩn HbA1c Calibrator	HbA1c (GHb) Calibrator Kit, 500 µL (Levels I & 2)	01-04-0022	2100234ĐKLH/BYT-TB-CT	Trinity Biotech, Mỹ	Trinity Biotech, Mỹ	Mỹ	B	2x500µl	Hộp	6	6.612.900	39.677.400
49	40	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	55	Hóa chất định nhóm máu ABO thuận nghịch và Rhesus (D)	DG Gel ABO/Rh	210355-21	280/BYT-TB-CT	Diagnostic Grifols, S.A., Tây Ban Nha	Diagnostic Grifols, S.A., Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	D	2x25cards	Hộp	309	3.232.950	998.981.550
50	41	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	56	Hóa chất định nhóm máu ABO và Rh	DG Gel Confirm P	210351-21	810NK/BYT-TB-CT	Diagnostic Grifols, S.A., Tây Ban Nha	Diagnostic Grifols, S.A., Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	D	2x25cards	Hộp	120	3.207.750	384.930.000
51	42	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	57	Xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus gây bệnh Quai bị	LIAISON Mumps IgG	318840	11913NK/BYT-TB-CT	DiaSorin S.p.A., Ý	DiaSorin S.p.A., Ý	Ý	C	100test	Hộp	1	11.537.400	11.537.400
4. Công ty Cổ Phần Thiết Bị Y Tế Nam Trung										Tổng cộng: 01 danh mục					2.100.000 VND	
52	1	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Y Tế Nam Trung	58	Dung dịch kiểm chuẩn HIV Ag/Ab combo	Alinity i HIV Ag/Ab Combo Controls	8P07-10	2200196ĐKLH/BYT-TB-CT	Abbott GmbH/ Đức	Abbott GmbH	Đức	D	Hộp 4x8 mL	mL	32	65.625	2.100.000
5. Công ty Cổ phần Thiết bị Sài Gòn										Tổng cộng: 02 danh mục					3.208.476.500 VND	

STT	Tên nhà thầu	STT theo HSYC	Tên hàng	Tên thương mại	Mã hàng	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại mức độ rủi ro	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	
53	1	Công ty Cổ phần Thiết bị Sài Gòn	59	Thẻ định nhóm máu ABO-Rh 2 phương pháp	Blood Grouping Reagents Anti-A (Anti-ABO1) (Monoclonal) Anti-B (Anti-ABO2) (Monoclonal) Anti-D (Anti-RHI) (Monoclonal) Control Reverse Diluent Ortho BioVue® System (ABO-Rh/Reverse Grouping Cassette)	707155	2300202ĐKLH/BYT-TB-CT	Ortho Clinical Diagnostics/ Anh	Ortho-Clinical Diagnostics	Anh	D	100 Card/Hộp	Card	45.500	59.515	2.707.932.500
54	2	Công ty Cổ phần Thiết bị Sài Gòn	60	Thẻ định nhóm máu ABD 1 phương pháp	Blood Grouping Reagents Anti-A (Anti-ABO1) (Monoclonal) Anti-B (Anti-ABO2) (Monoclonal) Anti-D (Anti-RHI) (Monoclonal) Ortho BioVue® System (ABD Confirmation Cassette)	707135	2200149ĐKLH/BYT-TB-CT	Ortho Clinical Diagnostics/ Anh	Ortho-Clinical Diagnostics	Anh	D	100 Card/Hộp	Card	8.000	62.568	500.544.000
6. Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh										Tổng cộng: 21 danh mục				260.454.899 VND		
55	1	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	61	Hóa chất nội kiểm miễn dịch cao cấp 3 mức 1A PREMIUM PLUS 1,2 AND 3	Immunoassay Premium Plus Tri-Level (1A Premium Plus 1, 2, and 3 level) (Nội kiểm Miễn Dịch Plus mức 1,2,3)	IA3112	220002009/PCB B-BYT	Randox/ Anh	Randox	Anh	B	12 x 5 ml	mL	60	167.000	10.020.000
56	2	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	62	Hóa chất ngoại kiểm Đông Máu	RIQAS Coagulation (Coagulation Programme) (Chương trình Ngoại kiểm RiQas Đông Máu)	RQ9135	200000567/PCB A-HCM	Randox/ Anh	Randox	Anh	A	6 x 1 ml	Hộp	1	6.650.000	6.650.000
57	3	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	63	Hóa chất ngoại kiểm Tốc Độ Máu Lắng	RIQAS ESR (ESR Programme) (Chương trình Ngoại kiểm RiQas Tốc Độ Máu Lắng)	RQ9163	200000568/PCB A-HCM	Randox/ Anh	Randox	Anh	A	2 x 4.5 ml	Hộp	3	4.686.000	14.058.000
58	4	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	64	Hóa chất ngoại kiểm Khí Máu	RIQAS Blood Gas (Chương trình Ngoại kiểm RiQas Khí Máu)	RQ9134	200000570/PCB A-HCM	Randox/ Anh	Randox	Anh	A	6 x 1.8 ml	Hộp	3	7.340.000	22.020.000
59	5	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	65	Hóa chất ngoại kiểm Dịch Não Tủy	RIQAS CerebroSpinal Fluid (CFS) Programme (Chương trình Ngoại kiểm RiQas Dịch Não Tủy)	RQ9168	220001813/PCB A-HCM	Randox/ Anh	Randox	Anh	A	6 x 3 ml	Hộp	1	12.419.000	12.419.000

STT	Tên nhà thầu	STT theo HSYC	Tên hàng	Tên thương mại	Mã hàng	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại mức độ rủi ro	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	
60	6	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	66	Hóa chất ngoại kiểm Sinh Hóa	RIQAS Monthly General Clinical Chemistry Programme (Chương trình Ngoại kiểm Riqas Sinh Hóa)	RQ9128	220001813/PCB A-HCM	Randox/ Anh	Randox	Anh	A	6 x 5 ml	Hộp	1	7.266.500	7.266.500
61	7	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	67	Hóa chất ngoại kiểm nước tiểu	RIQAS Urinalysis (Chương trình Ngoại kiểm Riqas Niệu)	RQ9138	200000571/PCB A-HCM	Randox/ Anh	Randox	Anh	A	3 x 12 ml	Hộp	1	8.365.000	8.365.000
62	8	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	68	Nội kiểm các Protein đặc hiệu mức 1	Liquid Assayed Specific Protein Control Level 1 (SP Control 1) (Nội kiểm Protein đặc hiệu mức 1)	PS2682	220001973/PCB B-BYT	Randox/ Anh	Randox	Anh	B	3 x 1 ml	mL	3	1.036.667	3.110.001
63	9	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	69	Nội kiểm các Protein đặc hiệu mức 2	Liquid Assayed Specific Protein Control Level 2 (SP Control 2) (Nội kiểm Protein đặc hiệu mức 2)	PS2683	220001973/PCB B-BYT	Randox/ Anh	Randox	Anh	B	3 x 1 ml	mL	3	1.036.667	3.110.001
64	10	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	70	Nội kiểm các Protein đặc hiệu mức 3	Liquid Assayed Specific Protein Control Level 3 (SP Control 3) (Nội kiểm Protein đặc hiệu mức 3)	PS2684	220001973/PCB B-BYT	Randox/ Anh	Randox	Anh	B	3 x 1 ml	mL	3	1.036.667	3.110.001
65	11	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	71	Nội kiểm sinh hóa nước tiểu mức 2	Assayed Urine Control Level 2 (Urin Asy Control 2) (Nội kiểm Sinh hóa nước tiểu mức 2)	AU2352	220001959/PCB B-BYT	Randox/ Anh	Randox	Anh	B	12 x 10 ml	mL	150	39.375	5.906.250
66	12	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	72	Nội kiểm sinh hóa nước tiểu mức 3	Assayed Urine Control Level 3 (Urin Asy Control 3) (Nội kiểm sinh hóa nước tiểu mức 3)	AU2353	220001959/PCB B-BYT	Randox/ Anh	Randox	Anh	B	12 x 10 ml	mL	150	39.375	5.906.250
67	13	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	73	Hóa chất ngoại kiểm Tim mạch	RIQAS Monthly Cardiac Plus Programme (Chương trình Ngoại kiểm Riqas Tim Mạch)	RQ9190	200001901/PCB A-HCM	Randox/ Anh	Randox	Anh	A	Hộp/6 x 3 ml	mL	18	520.300	9.365.400
68	14	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	74	Hóa chất ngoại kiểm Protein đặc hiệu (CTNK Protein Đặc Hiệu)	RIQAS Monthly Specific Proteins Programme (Chương trình Ngoại kiểm Protein Đặc Hiệu hàng tháng)	RQ9187	200001899/PCB A-HCM	Randox/ Anh	Randox	Anh	A	Hộp/6 x 1 ml	mL	12	1.333.333	15.999.996
69	15	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	75	Nội kiểm sinh hóa mức 2	Assayed Chemistry Premium Plus Level 2 (Hum Asy Control 2) (Nội kiểm Sinh hóa mức 2)	HN1530	220001963/PCB B-BYT	Randox/ Anh	Randox	Anh	B	20 x 5 ml	Hộp	6	7.245.000	43.470.000

STT	Tên nhà thầu	STT theo HSYC	Tên hàng	Tên thương mại	Mã hàng	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại mức độ rủi ro	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	
70	16	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	76	Nội kiểm sinh hóa mức 3	Assayed Chemistry Premium Plus Level 3 (Hum Asy Control 3) (Nội kiểm Sinh hóa mức 3)	HE1532	220001963/PCB B-BYT	Randox/ Anh	Randox	Anh	B	20 x 5 ml	Hộp	6	7.245.000	43.470.000
71	17	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	77	Hóa chất ngoại kiểm Miễn Dịch Đặc Biệt 1	RIQAS Immunoassay Speciality I (Chương trình Ngoại kiểm Riqas Miễn Dịch Đặc Biệt I)	RQ9141	210000902/PCB A-HCM	Randox/ Anh	Randox	Anh	A	Hộp/6 x 2 ml	Hộp	1	12.196.500	12.196.500
72	18	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	78	Hóa chất ngoại kiểm Tiền Sản	RIQAS Maternal Screening (Chương trình Ngoại kiểm Riqas Sáng Lọc Trước Sinh)	RQ9137	210000902/PCB A-HCM	Randox/ Anh	Randox	Anh	A	Hộp/6 x 1 ml	Hộp	1	10.329.000	10.329.000
73	19	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	79	Hóa chất ngoại kiểm Ammonia/ Ethanol	RIQAS Ammonia/Ethanol (Chương trình Ngoại kiểm Riqas Ammonia/Ethanol)	RQ9164	220001813/PCB A-HCM	Randox/ Anh	Randox	Anh	A	Hộp/6 x 2 ml	Hộp	1	6.650.000	6.650.000
74	20	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	80	Hóa chất ngoại kiểm HbA1c	RIQAS Glycated Haemoglobin (HbA1c) Programme (Chương trình Ngoại kiểm Riqas HbA1c)	RQ9129	220001813/PCB A-HCM	Randox/ Anh	Randox	Anh	A	Hộp/6 x 0.5 ml	Hộp	2	6.650.000	13.300.000
75	21	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	81	Hóa chất ngoại kiểm Huyết Học	RIQAS Monthly Haematology (Haematology Programme) (Chương trình Ngoại kiểm Riqas Huyết Học)	RQ9140	200000569/PCB A-HCM	Randox/ Anh	Randox	Anh	A	Hộp/3 x 2 ml	Hộp	1	3.733.000	3.733.000
7. Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiến														Tổng cộng: 15 danh mục		6.557.966.214 VND
76	1	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiến	83	Hóa chất rửa máy huyết học khi tắt thiết bị	CF579595 Celleclean Auto (CCA-500A)	CF579595	210000506/PCB A-HCM	Sysmex/ Nhật Bản	Sysmex	Nhật bản	A	Hộp/20 lọ x 4 ml	mL	1.600	33.550	53.680.000
77	2	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiến	84	Hóa chất pha loãng mẫu của máy xét nghiệm huyết học và kéo lam tự động.	ZPPCT661628 Cellpack DCL	ZPPCT661628	220002510/PCB B-BYT	Sysmex/ Nhật Bản	Sysmex	Singapore	B	Thùng/20 lít	mL	#####	145	1.276.000.000
78	3	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiến	85	Hóa chất ly giải hồng cầu trên kênh đo HGB của máy xét nghiệm huyết học	P90411317 Sulfolyser	P90411317	220002510/PCB B-BYT	Sysmex/ Nhật Bản	Sysmex	Singapore	B	Hộp/3 chai x 500ml	mL	126.000	3.500	441.000.000
79	4	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiến	86	Hóa chất ly giải mảng tế bào trên kênh đo WNR của máy xét nghiệm huyết học	ZPPBL121531 Lysercell WNR-210A 5L x 1	ZPPBL121531	220002510/PCB B-BYT	Sysmex/ Nhật Bản	Sysmex	Singapore	B	Thùng/5 lít	mL	390.000	661	257.790.000

STT	Tên nhà thầu	STT theo HSYC	Tên hàng	Tên thương mại	Mã hàng	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại mức độ rủi ro	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	
80	5	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên	87	Hóa chất nhuộm huỳnh quang trên kính đo WNR của máy xét nghiệm huyết học	CP066715 Fluorocell WNR	CP066715	220002510/PCB B-BYT	Sysmex/ Nhật Bản	Sysmex	Nhật bản	B	Hộp/2lọ x 82 ml	mL	5.658	51.585	291.867.930
81	6	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên	88	Hóa chất ly giải màng tế bào trên kính đo WDF của máy xét nghiệm huyết học	ZPPAL337564 Lyserocell WDF-210A 5L x 1	ZPPAL337564	220002510/PCB B-BYT	Sysmex/ Nhật Bản	Sysmex	Singapore	B	Thùng/5 lít	mL	395.000	2.084	823.180.000
82	7	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên	89	Hóa chất nhuộm huỳnh quang trên kính đo WDF của máy xét nghiệm huyết học	CV377552 Fluorocell WDF	CV377552	220002510/PCB B-BYT	Sysmex/ Nhật Bản	Sysmex	Nhật bản	B	Hộp/2 lọ x 42 ml	mL	5.502	483.642	2.660.998.284
83	8	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên	90	Hóa chất pha loãng mẫu cho quá trình xét nghiệm hồng cầu tươi và tiểu cầu huỳnh quang của máy xét nghiệm huyết học	ZPPAR829995 Cellpack DFL	ZPPAR829995	220002510/PCB B-BYT	Sysmex/ Nhật Bản	Sysmex	Singapore	B	Hộp/ 1 chai x 1 lít	mL	6.000	2.294	13.764.000
84	9	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên	91	Hóa chất nhuộm huỳnh quang trên kính đo RET của máy xét nghiệm huyết học	BN337547 Fluorocell RET	BN337547	220002510/PCB B-BYT	Sysmex/ Nhật Bản	Sysmex	Nhật bản	B	Hộp/2 lọ, mỗi lọ 12 mL	mL	72	996.250	71.730.000
85	10	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên	92	Hóa chất nội kiểm mức thấp của máy xét nghiệm huyết học	BV661822 XN Check L1	BV661822	220002510/PCB B-BYT	Sysmex/ Nhật Bản	Streck	Mỹ	B	Lọ/3 ml	mL	120	1.034.600	124.152.000
86	11	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên	93	Hóa chất nội kiểm mức trung bình của máy xét nghiệm huyết học	AK060533 XN Check L2	AK060533	220002510/PCB B-BYT	Sysmex/ Nhật Bản	Streck	Mỹ	B	Lọ/3 ml	mL	120	1.034.600	124.152.000
87	12	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên	94	Hóa chất nội kiểm mức cao của máy xét nghiệm huyết học	BR875289 XN Check L3	BR875289	220002510/PCB B-BYT	Sysmex/ Nhật Bản	Streck	Mỹ	B	Lọ/3 ml	mL	120	1.034.600	124.152.000
88	13	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên	95	Hóa chất nội kiểm dịch cơ thể của máy xét nghiệm huyết học (mức nồng độ 1)	BY698063 XN CHECK BF	BY698063	220002510/PCB B-BYT	Sysmex/ Nhật Bản	Streck	Mỹ	B	Hộp/ (L1 x 3.0mL)	mL	72	2.037.500	146.700.000
89	14	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên	96	Hóa chất nội kiểm dịch cơ thể của máy xét nghiệm huyết học (mức nồng độ 2)	BY698063 XN CHECK BF	BY698063	220002510/PCB B-BYT	Sysmex/ Nhật Bản	Streck	Mỹ	B	Hộp/ (L2 x 3.0mL)	mL	72	2.037.500	146.700.000

STT	Tên nhà thầu	STT theo HSYC	Tên hàng	Tên thương mại	Mã hàng	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại mức độ rủi ro	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền (VND)
90	15 Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiến	97	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm: HCVAb, HBsAg, TPAb, HIVAb	AT474543 VIRATROL FOR 3MLX3X2	AT474543	10170NK/BYT-TB-CT	System/ Nhật Bản	Systemex	Nhật Bản	D	Hộp/6 lọx3ml	Hộp	1	2.100.000	2.100.000
TỔNG CỘNG														19.209.708.076 VND	

PHỤ LỤC 1. DANH SÁCH SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số 1903./QĐ-BVĐHYD ngày 21 tháng 06 năm 2023)

Phần 2. Yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên nhà thầu	STT theo HSYC	Tên hàng	Đặc tính kỹ thuật
1	Công ty Cổ phần Medcomtech	1	Ống nghiệm lấy máu chân không, chứa chống đông Lithium Heparin 4mL, nắp màu hồng	Dung dịch chất chống đông: Lithium Heparin dạng phun sương. - Thể tích lấy mẫu chân không: 4mL - Kích thước ống: đường kính ngoài 13 (+/- 2) mm; chiều dài ống 75 (+/- 5) mm; - Chất liệu ống: PET, - Nắp gồm 2 phần: phần bằng cao su butyl để duy trì chân không và dễ cầm kim trong quá trình lấy máu; phần nắp bằng nhựa PE - Ống đã được tiệt trùng - Đóng gói: Hộp kín được niêm phong tránh ánh sáng và tiếp xúc hóa chất - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE
2	Công ty Cổ phần Medcomtech	2	Ống nghiệm lấy máu chân không, chứa chống đông Lithium Heparin 2mL	Dung dịch chất chống đông: Lithium Heparin dạng phun sương. - Thể tích lấy mẫu chân không: 2mL - Kích thước ống: đường kính ngoài 13 (+/- 2) mm; chiều dài ống 75 (+/- 5) mm; - Chất liệu ống: PET, chống sốc, trong suốt, - Nắp gồm 2 phần: phần bằng cao su butyl để duy trì chân không và dễ cầm kim trong quá trình lấy máu; phần nắp bằng nhựa PE - Ống đã được tiệt trùng - Đóng gói: Hộp kín được niêm phong tránh ánh sáng và tiếp xúc hóa chất - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE
3	Công ty Cổ phần Medcomtech	3	Ống nghiệm lấy máu chân không, chứa chống đông EDTA K2 2mL	Dung dịch chất chống đông: K2 EDTA dạng phun sương trên thành ống. - Thể tích lấy mẫu chân không: 2mL - Kích thước ống: đường kính ngoài 13 (+/- 2) mm; chiều dài ống 75 (+/- 5) mm; - Chất liệu ống: PET, chống sốc, trong suốt, tránh va chạm gây nứt trong quá trình vận chuyển, lấy mẫu, bảo quản, và xét nghiệm. - Nắp gồm 2 phần: phần bằng cao su butyl để duy trì chân không và dễ cầm kim trong quá trình lấy máu; phần nắp bằng nhựa PE - Ống đã được tiệt trùng - Đóng gói: Hộp kín được niêm phong tránh ánh sáng và tiếp xúc hóa chất - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE
4	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Chương Nhân	4	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và biến thể Hb (HbC)	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và biến thể Hb (HbC) được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Sodium azide, Oxidizing agent, Phosphate. - pH: 7,05 ± 0,03 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Đóng gói: ≤ 1500 mL/ Hộp
5	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Chương Nhân	5	Cột chứa hóa chất xét nghiệm HbA1C theo phương pháp HPLC	Cột chứa hóa chất xét nghiệm HbA1C Chức năng : Định lượng các thành phần của HbA1c bằng phương pháp sắc ký trao đổi ion. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Hydrophylic polymer of methacrylate esters copolymer. - Tích hợp bộ tiền lọc (Pre-Filter) Dùng trong việc định lượng HbA1C trong mẫu máu toàn phần của người - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Đóng gói: ≤ 4500 test/ Hộp
6	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Chương Nhân	6	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và làm bền cột sắc ký	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và làm bền cột sắc ký được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Sodium azide, Oxidizing agent, Phosphate. - PH: 8,05 ± 0,2 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Đóng gói: ≤ 3000 mL/ Hộp
7	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Chương Nhân	7	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và biến thể Hb (HbS)	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và biến thể Hb (HbS) được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Sodium azide, Oxidizing agent, Phosphate - PH: 7,05±0,03 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Đóng gói: ≤ 1500 mL/ Hộp

STT	Tên nhà thầu	STT theo HSYC	Tên hàng	Đặc tính kỹ thuật
8	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Chương Nhân	8	Dung dịch pha loãng mẫu máu toàn phần khi xét nghiệm HbA1C	Dung dịch pha loãng mẫu máu toàn phần khi xét nghiệm HbA1C được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Sodium azide, Surfactant, Phosphate. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Đóng gói: ≤ 8 lít/ Hộp
9	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Chương Nhân	9	Hóa chất kiểm chuẩn của máy HbA1C	Hóa chất kiểm chuẩn của máy HbA1C - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Hemoglobin, human Potassium Cyanic - Bảo quản: nhiệt độ 2-8°C. Mục đích sử dụng: - Dùng để theo dõi độ chính xác và độ đúng của quy trình định lượng HbA1c Đóng gói: ≤ 20 mL/ Hộp
10	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	10	Dung dịch kiểm chuẩn xét nghiệm miễn dịch mức thấp	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức thấp (có giá trị thấp cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u và TgAb, TPO Ab) Thành phần: tối thiểu gồm Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người.
11	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	11	Dung dịch kiểm chuẩn xét nghiệm miễn dịch mức trung bình	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức trung bình (có giá trị mức trung bình cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u và TgAb, TPO Ab) Thành phần: tối thiểu gồm Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người.
12	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	12	Dung dịch kiểm chuẩn xét nghiệm miễn dịch mức cao	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức cao (có giá trị mức cao cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u và TgAb, TPO Ab) Thành phần: tối thiểu gồm Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người.
13	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	13	C. Difficile Toxins A&B control set (Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính độc tính A và B của vi khuẩn Clostridium difficile)	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính độc tố A và B của Clostridium difficile. Bao gồm: - Chứng âm: Huyết thanh dê - Chứng dương (đồng khô): Huyết thanh dê, độc tố A, độc tố B của vi khuẩn C. difficile. Hoàn nguyên với dung dịch Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp
14	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	14	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm sàng lọc phát hiện kháng nguyên của vi khuẩn C.Difficile	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm sàng lọc kháng nguyên C.Difficile GDH. Bao gồm: - Chất kiểm chứng âm tính: Đệm phosphat, chất hoạt động bề mặt - Chất kiểm chứng dương tính: Dạng đồng khô: GDH của C. difficile Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp
15	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	15	Dung dịch kiểm chuẩn HBsAg Qc	Chất kiểm chứng của xét nghiệm phát hiện HBsAg Thành phần: QC1: Huyết tương (người), HBsAg âm tính, QC2: Huyết tương (người), HBsAg dương tính, Bảo quản ở 2-10°C Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp
16	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	16	Dung dịch kiểm chuẩn CK-MB Control mức thấp	Chất kiểm chuẩn mức 1 cho xét nghiệm CK-MB. - Thành phần: Huyết thanh người dạng đồng khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme - Bảo quản: chưa mở bảo quản ở 2-8°C. Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp - Phù hợp với hóa chất CK-MB
17	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	18	Chất chuẩn calib cho xét nghiệm CRP hs	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP có độ nhạy cao. Gồm ≥ 5 mức nồng độ - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng có chứa các lượng khác nhau của CRP người - Bảo quản: 2-8°C. - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp - Phù hợp với hóa chất CRP siêu nhạy
18	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	19	Hóa chất kiểm chuẩn HbA1c Control bằng phương pháp đo độ đục	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Các tế bào hồng cầu ở người, chất bảo quản và chất ổn định - Bảo quản: 2-8°C
19	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	20	Hóa chất kiểm chuẩn HDL/LDL-Cholesterol Control	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Huyết thanh người dạng đồng khô có chứa HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol - Bảo quản: 2-8°C. - Đóng gói: ≤ 50 mL/ hộp

STT	Tên nhà thầu	STT theo HSYC	Tên hàng	Đặc tính kỹ thuật
20	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	21	Hóa chất kiểm chuẩn ITA Control mức 1	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Huyết thanh người chứa α -1 acidglycoprotein; Ferritin; α -1 antitrypsin; Haptoglobin; ASO; IgA; IgG; IgM; β -2 microglobulin; Ceruloplasmin; Prealbumin; C3; C4; RF; CRP; Transferrin - Bảo quản: 2-8°C. - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp
21	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	22	Hóa chất kiểm chuẩn ITA Control mức 2	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch đo độ đục mức 2; - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Huyết thanh người chứa α -1 acidglycoprotein; Ferritin; α -1 antitrypsin; Haptoglobin; ASO; IgA; IgG; IgM; β -2 microglobulin; Ceruloplasmin; Prealbumin; C3; C4; RF; CRP; Transferrin - Bảo quản: 2-8°C. - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp
22	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	23	Hóa chất kiểm chuẩn ITA Control mức 3	Hóa chất kiểm chứng mức 3 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: α -1 acidglycoprotein; Ferritin; α -1 antitrypsin; Haptoglobin; ASO; IgA; IgG; IgM; β -2 microglobulin; Ceruloplasmin; Prealbumin; C3; C4; RF; CRP; Transferrin. - Bảo quản: 2-8°C. - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp
23	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	24	Chất chuẩn mẫu nước tiểu Control mức 1;2	Chất chuẩn mẫu nước tiểu, gồm ≥ 2 mức nồng độ - Bảo quản: 2-8°C - Đóng gói: ≤ 150 mL/ hộp
24	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	25	Dung dịch kiểm chuẩn cho xét nghiệm đông máu mức bất thường cao	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn phù hợp cho xét nghiệm đông máu như PT, APTT, Hepatocomplex ở dải đo bất thường cao. - Thành phần dạng bột đông khô, chứa: huyết tương người, đệm, chất ổn định và chất bảo quản. - Bảo quản: 2 - 8 độ C. - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp
25	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	26	Dung dịch kiểm chuẩn HIV Combo QC	Chất kiểm chứng của xét nghiệm định tính HIV combo Thành Phần: QC1: Huyết thanh người không chứa kháng nguyên HIV-1 và các kháng thể kháng HIV-1 (không phản ứng) QC2: Huyết thanh người chứa các kháng thể kháng HIV-1, QC3: kháng nguyên HIV-1 tinh sạch đã được xử lý nhiệt Bảo quản ở 2-10°C Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp
26	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	27	Dung dịch kiểm chuẩn HCV Ab V3 QC	Chất kiểm chứng xét nghiệm định tính kháng thể HCV Thành Phần: QC1: Huyết thanh người. Âm tính (không phản ứng) với kháng thể kháng HCV. QC2: Huyết thanh người. Dương tính (phản ứng) với kháng thể kháng HCV. Bảo quản ở 2-10°C Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp
27	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	28	Dung dịch kiểm chuẩn Rubella IgG QC	Chất kiểm chứng của xét nghiệm định tính và định lượng Rubella IgG Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: QC1: Huyết tương người, không chứa kháng thể IgG đặc hiệu với rubella QC2: Huyết tương người, chứa kháng thể IgG đặc hiệu với rubella ở nồng độ thấp (giá trị trung bình đích nằm trong khoảng 22-43 IU/mL) Bảo quản: 2-10°C Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp
28	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	29	Dung dịch kiểm chuẩn Rubella IgM QC	Chất kiểm chứng của xét nghiệm định tính Rubella IgM, gồm 2 mức nồng độ Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: QC1: Huyết tương người, âm tính (không phản ứng) đối với kháng thể IgM đặc hiệu với rubella. QC2: Huyết tương người, dương tính (phản ứng) đối với kháng thể IgM đặc hiệu với rubella. Bảo quản: 2-10°C Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp
29	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	30	Hóa chất control kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng hormon tăng trưởng	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng hGH. Bao gồm: - Control hGH (level 1): hGH tái tổ hợp, huyết thanh/ huyết tương người - Control hGH (level 2): hGH tái tổ hợp, huyết thanh/ huyết tương người Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp

STT	Tên nhà thầu	STT theo HSYC	Tên hàng	Đặc tính kỹ thuật
30	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	33	Control Measles IgM (Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với virus Sởi)	Chất chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với virus bệnh sởi trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Bao gồm: - Chứng âm: Huyết thanh người/ huyết tương người không phản ứng đối với kháng thể IgM kháng virus sởi, - Chứng dương: Kháng thể IgM kháng virus sởi Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp
31	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	34	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng kháng thể đặc hiệu IgG với Mycoplasma pneumoniae	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng kháng thể Mycoplasma pneumoniae IgG. Bao gồm: - Control âm: huyết thanh/huyết tương người âm tính với kháng thể Mycoplasma pneumoniae IgG, - Control dương: huyết thanh/huyết tương người dương tính với kháng thể Mycoplasma pneumoniae IgG, Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp
32	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	35	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu IgM với Mycoplasma pneumoniae	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu IgM với Mycoplasma pneumoniae Bao gồm: - Chứng âm: Huyết thanh người/huyết tương người không phản ứng đối với kháng thể IgM kháng Mycoplasma pneumoniae - Chứng dương: Kháng thể IgM tái tổ hợp phản ứng đối với Mycoplasma pneumoniae Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp
33	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	36	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus Sởi	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus bệnh sởi trong mẫu huyết thanh và huyết tương người. Bao gồm: - Chứng âm: Huyết thanh người/ huyết tương người đã loại fibrin không phản ứng đối với kháng thể IgG kháng virus sởi, - Chứng dương: Huyết thanh người/ huyết tương người đã loại fibrin phản ứng đối với kháng thể IgG kháng virus sởi, Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp
34	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	37	Dung dịch kiểm chuẩn CMV IgG QC	Chất kiểm chứng của xét nghiệm bán định lượng CMV IgG Thành phần: QC1: Huyết thanh hoặc huyết tương người, âm tính với kháng thể IgG đặc hiệu QC2: Huyết thanh hoặc huyết tương người, dương tính với kháng thể IgG đặc hiệu với CMV Bảo quản ở 2-10°C Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp
35	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	38	Dung dịch kiểm chuẩn CMV IgM QC	Chất kiểm chứng của xét nghiệm định tính CMV IgM Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: QC1: Huyết thanh/huyết tương người, âm tính với kháng thể IgM đặc hiệu với CMV, QC2: Huyết thanh/huyết tương người, dương tính với kháng thể IgM đặc hiệu với CMV, Bảo quản ở 2-10°C Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp

STT	Tên nhà thầu	STT theo HSYC	Tên hàng	Đặc tính kỹ thuật
36	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	39	Xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu IgM với Mycoplasma pneumoniae	Hóa chất xét nghiệm định tính kháng thể Mycoplasma pneumoniae IgM trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Hạt từ phủ bởi mycoplasmal lysate gắn peptide tái tổ hợp - Cal 1: Huyết thanh/huyết tương người âm tính với Mycoplasma pneumoniae IgM, - Cal 2: Các kháng thể IgM tái tổ hợp kháng Mycoplasma Pneumoniae - Kháng thể đơn dòng chuột lên kháng thể IgM người liên hợp với dẫn suất isoluminol Dải đo: từ $\leq 0,1$ đến ≥ 27 index value. Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp Độ đặc hiệu chẩn đoán: 97,8% Độ nhạy chẩn đoán: 99,1% Miễn dịch HPQ, kẹp gián tiếp hai bước, định tính, đã tích hợp calib. Độ ổn định 8 tuần sau khi mở nắp (bảo quản trên khoang thiết bị hoặc ở 2-8oC)
37	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	40	Hóa chất control kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng calcitonin	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng Calcitonin. Bao gồm 2 mức nồng độ - Control 1, đồng khô: Huyết thanh người, và calcitonin. Hoàn nguyên với ≥ 2 mL nước cất. - Control 2, đồng khô: Huyết thanh người, calcitonin. Hoàn nguyên với ≥ 2 mL nước cất. Bảo quản control đồng khô: 2-8°C. Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp
38	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	41	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng kháng thể đặc hiệu IgG với Chlamydia trachomatis control	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng Chlamydia Trachomatis IgG. Bao gồm: - Control âm: Huyết thanh/ huyết tương không phản ứng với kháng thể Chlamydia Trachomatis IgG - Control dương: Huyết thanh/ huyết tương có phản ứng với kháng thể Chlamydia Trachomatis IgG Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp
39	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	42	Hóa chất kiểm chuẩn control cho xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu IgA với Chlamydia trachomatis	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính Chlamydia trachomatis IgA. Tối thiểu gồm các thành phần: - Chứng âm: Huyết thanh/huyết tương người không cho phản ứng kháng thể Chlamydia trachomatis IgA - Chứng dương: Kháng thể IgA tái tổ hợp kháng Chlamydia trachomatis Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp
40	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	44	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với virus gây bệnh Quai bị	Chất chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với virus quai bị trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Chứng âm: Huyết thanh/huyết tương người không phản ứng đối với xét nghiệm phát hiện kháng thể IgM kháng virus quai bị - Chứng dương: Kháng thể IgM đặc hiệu với virus quai bị, Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp
41	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	45	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus gây bệnh Quai bị	Chất chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus quai bị trong mẫu huyết thanh và huyết tương người. Bao gồm: - Control âm: Huyết thanh/ huyết tương không phản ứng đối với xét nghiệm phát hiện kháng thể IgG virus quai bị, - Control dương: Huyết thanh/ huyết tương phản ứng đối với xét nghiệm phát hiện kháng thể IgG virus quai bị, Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp
42	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	48	Dung dịch kiểm chuẩn ADA Control mức 1 and 2	Chất kiểm chuẩn dùng cho xét nghiệm ADA mức 1 và 2, có nồng độ khác nhau - Thành phần: bột đồng khô được sản xuất từ huyết thanh người (hoàn nguyên với nước) - Bảo quản: 2-8°C. - Đóng gói: Hộp 2 lọ x 1 mL.
43	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	49	Hóa chất nội kiểm Interleukin 6	Hóa chất kiểm chuẩn (control) xét nghiệm Interleukin 6. Gồm 3 mức nồng độ khác nhau: thấp, trung bình và cao. Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp

STT	Tên nhà thầu	STT theo HSYC	Tên hàng	Đặc tính kỹ thuật
44	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	50	Dung dịch kiểm chuẩn xét nghiệm tìm mạch	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm tìm mạch gồm ≥ 3 mức nồng độ
45	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	51	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm định lượng Thyroglobulin (Tg) ở người.	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm định lượng Thyroglobulin (Tg) ở người. Bao gồm: - Chất kiểm chứng mức thấp: dung dịch albumin người, thyroglobulin người - Chất kiểm chứng mức cao: dung dịch albumin người, thyroglobulin người Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp
46	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	52	Hóa chất định lượng HbA1c nguyên tắc sắc ký ái lực	Bộ hóa chất chạy xét nghiệm HbA1c trên máy sắc ký lỏng hiệu năng cao -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Dung dịch Methanol, dung dịch Ammonia, Dung dịch Diluent, Ethanol, TRITON X100, Sodium azide. Cột phân tích - Bảo quản: cột ở 2 – 8 độ C, dung dịch ở 2 – 28 độ C - Đóng gói: ≤ 2000 test/ hộp - Bộ cột và hóa chất hoàn chỉnh ≤ 500 test xét nghiệm HbA1C
47	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	53	Dung dịch kiểm chuẩn HbA1c (GHb) Control	Hóa chất kiểm chứng HbA1c mức I và II, được sử dụng để kiểm soát hiệu năng của xét nghiệm định lượng Glycated Hemoglobin -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Máu toàn phần, bột đông khô - Bảo quản: 2 – 8 độ C - đóng gói: ≤ 5 mL/ hộp
48	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	54	Dung dịch kiểm chuẩn HbA1c Calibrator	Hóa chất hiệu chuẩn HbA1c mức 1 và 2, được sử dụng để hiệu chuẩn của xét nghiệm định lượng HbA1c theo nguyên lý ái lực (affinity) -Thành phần: tối thiểu gồm Máu toàn phần, bột đông khô, cần hoàn nguyên trước khi sử dụng - Bảo quản: 2 – 8 độ C. - Đóng gói: ≤ 5 mL/ hộp
49	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	55	Hóa chất định nhóm máu ABO thuận nghịch và Rhesus (D)	Định nhóm ABO và Rh bằng phương pháp huyết thanh mẫu và hồng cầu mẫu trên máy phân tích nhóm máu gelcard ≥ 8 giếng - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Giếng 1: Anti-A (hỗn hợp kháng thể IgM) Giếng 2: Anti-B (kháng thể IgM) Giếng 3: Anti-AB (hỗn hợp kháng thể IgM) Giếng 4: Anti-D (kháng thể IgM) Giếng 5: Anti-CDE (hỗn hợp kháng thể IgM). Giếng 6: mẫu control Giếng 7: N (gel trung tính) Giếng 8: N (gel trung tính) Bảo quản : 2-25 độ C Tiêu chuẩn chất lượng: Độ nhạy tối thiểu 99,6% và độ đặc hiệu 100%. Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp
50	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	56	Hóa chất định nhóm máu ABO và Rh	Định nhóm máu ABO và Rh bằng phương pháp huyết thanh mẫu trên máy phân tích nhóm máu gelcard ≥ 8 giếng. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Gel card 4 giếng đầu có thành phần như sau: Giếng 1: Anti-A (IgM, chuột) Giếng 2: Anti B (IgM, chuột) Giếng 3: Anti D (IgM, người) Giếng 4: Chứng - Bảo quản : 2-25 độ C Độ nhạy tối thiểu 99.7% và độ đặc hiệu 100%. Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp

STT	Tên nhà thầu	STT theo HSYC	Tên hàng	Đặc tính kỹ thuật
51	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	57	Xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus gây bệnh Quai bị	Hóa chất xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus quai bị trong mẫu huyết thanh và huyết tương người. Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Hạt từ Phủ nucleoprotein virus quai bị - Cal 1: Huyết thanh người/ huyết tương người chứa IgG kháng virus quai bị ở nồng độ thấp - Cal 2: Huyết thanh người/ huyết tương người chứa IgG kháng virus quai bị ở nồng độ cao - Kháng thể (đơn dòng) kháng IgG (người) liên kết với một dẫn xuất isoluminol Đãi đo: từ ≤ 5 đến ≥ 300 AU/mL Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp Độ đặc hiệu chẩn đoán: 98,2% Độ nhạy chẩn đoán 98,5% Miễn dịch HPQ, kẹp gián tiếp, hai bước, bán định lượng, đã tích hợp calib. - Độ ổn định 8 tuần sau khi mở nắp (bảo quản trên khoang thiết bị hoặc ở 2-8°C)
52	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Y Tế Nam Trung	58	Dung dịch kiểm chuẩn HIV Ag/Ab combo	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính đồng thời kháng nguyên HIV p24 và các kháng thể kháng virus gây suy giảm miễn dịch ở người loại 1 và/hoặc loại 2 (HIV-1/HIV-2) trong huyết thanh và huyết tương; - Thành phần: control âm và 3 nồng độ chứng dương - Điều kiện bảo quản: 2 đến 8°C - Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp
53	Công ty Cổ phần Thiết bị Sài Gòn	59	Thẻ định nhóm máu ABO-Rh 2 phương pháp	- Thẻ xác định nhóm máu 2 phương pháp. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: bao gồm 1 Test/Card, bao gồm 6 cột chứa dung dịch đệm với albumin bò và chất tăng tiềm lực đại phân tử, acid ethylenediaminetetraacetic (EDTA) - Từ cột 1-3: Anti A-Anti B-Anti D. Cột 4: Control và Cột 5-6: Dung dịch đệm được tối ưu hóa để sử dụng trong xét nghiệm nhóm máu ngược. - Bảo quản ở nhiệt độ: 2-25 độ C, trên vỏ hộp có tem chỉ thị nhiệt độ. - Theo công nghệ ngưng kết cột CAT (Column Agglutination Technology)
54	Công ty Cổ phần Thiết bị Sài Gòn	60	Thẻ định nhóm máu ABD 1 phương pháp	- Thẻ xác định nhóm máu 1 phương pháp - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: cột chứa dung dịch đệm với albumin bò và chất tăng tiềm lực đại phân tử, acid ethylenediaminetetraacetic (EDTA) - Từ cột 1-3: Anti A-Anti B-Anti D. Từ cột 4-6 lặp lại như từ cột 1-3. - Bảo quản ở nhiệt độ: 2-25 độ C, trên vỏ hộp có tem chỉ thị nhiệt độ. - Theo công nghệ ngưng kết cột CAT (Column Agglutination Technology)
55	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	61	Hóa chất nội kiểm miễn dịch cao cấp 3 mức 1A PREMIUM PLUS 1,2 AND 3	Dạng đông khô, gồm 3 mức nồng độ. Làm từ 100% Huyết thanh người, chứa 54 thông số. Bao gồm cả β -2 - Microglobulin, CA15-3, CA19-9, CA125, Growth Hormone (GH), Oestradiol, Paracetamol, 1-25-(OH)2 - Vitamin D*... Ổn định đến hạn tại 2-8°C.
56	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	62	Hóa chất ngoại kiểm Đông Máu	Hóa chất ngoại kiểm Đông máu đáp ứng 5 thông số Đông máu cơ bản trên hệ thống máy Đông máu. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: huyết tương người. Mẫu dạng đông khô, Bảo quản: 2-8°C.
57	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	63	Hóa chất ngoại kiểm Tốc Độ Máu Lắng	Hóa chất ngoại kiểm tốc độ máu lắng. Gồm 1 thông số ESR. Mẫu dạng lỏng, Bảo quản: 2-8°C.
58	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	64	Hóa chất ngoại kiểm Khí Máu	Hóa chất ngoại kiểm Khí máu đáp ứng 11 thông số khí máu. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Aqueous material. Mẫu dạng lỏng, Bảo quản: 2-8°C.
59	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	65	Hóa chất ngoại kiểm Dịch não tủy có 7 thông số trên hệ thống máy xét nghiệm sinh hóa.	Hóa chất ngoại kiểm Dịch não tủy có 7 thông số trên hệ thống máy xét nghiệm sinh hóa. Mẫu dạng lỏng, Bảo quản: 2-8°C.
60	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	66	Hóa chất ngoại kiểm Sinh Hóa	Hóa chất ngoại kiểm Sinh hóa đáp ứng 56 thông số sinh hóa thường qui. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Huyết thanh tương tự người người (Human based serum). Mẫu dạng đông khô, Bảo quản: 2-8°C.
61	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	67	Hóa chất ngoại kiểm nước tiểu	Hóa chất ngoại kiểm nước tiểu đáp ứng 14 thông số tổng phân tích nước tiểu, chu kỳ từ tháng 1 hàng năm, tần suất chạy mẫu 2 tháng 01 lần. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: nước tiểu của con người. Mẫu dạng lỏng, Bảo quản: 2-8°C.

STT	Tên nhà thầu	STT theo HSYC	Tên hàng	Đặc tính kỹ thuật
62	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	68	Nội kiểm các Protein đặc hiệu mức 1	Nội kiểm Protein đặc hiệu gồm 26 thông số có CRP, Haptoglobin, IgA, IgE, IgG, IgM, RF, RBP... Thành phần: 100% huyết thanh người. Dạng lỏng, Mức 1, Bảo quản: 2-8°C.
63	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	69	Nội kiểm các Protein đặc hiệu mức 2	Nội kiểm Protein đặc hiệu gồm 26 thông số có CRP, Haptoglobin, IgA, IgE, IgG, IgM, RF, RBP... Thành phần: 100% huyết thanh người. Dạng lỏng, Mức 2, Bảo quản: 2-8°C.
64	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	70	Nội kiểm các Protein đặc hiệu mức 3	Nội kiểm Protein đặc hiệu gồm 26 thông số có CRP, Haptoglobin, IgA, IgE, IgG, IgM, RF, RBP... Thành phần: 100% huyết thanh người. Dạng lỏng, Mức 3, Bảo quản: 2-8°C.
65	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	71	Nội kiểm sinh hóa nước tiểu mức 2	Nội kiểm sinh hóa nước tiểu gồm 24 thông số. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: 100% từ nước tiểu người. Dạng Đông khô, Mức 2, Bảo quản: 2-8°C.
66	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	72	Nội kiểm sinh hóa nước tiểu mức 3	Nội kiểm sinh hóa nước tiểu gồm 24 thông số. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: 100% từ nước tiểu người. Dạng Đông khô, Mức 3, Bảo quản: 2-8°C.
67	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	73	Hóa chất ngoại kiểm Tim mạch	Hóa chất ngoại kiểm Tim mạch đáp ứng 11 thông số dấu ấn tim mạch. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: huyết thanh người. Mẫu dạng đông khô, Bảo quản: 2-8°C.
68	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	74	Hóa chất ngoại kiểm Protein đặc hiệu (CTNK Protein Đặc Hiệu)	Hóa chất ngoại kiểm Protein đặc hiệu đáp ứng 26 thông số. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: từ người. Mẫu dạng lỏng, Bảo quản: 2-8°C.
69	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	75	Nội kiểm sinh hóa mức 2	Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Nội kiểm sinh hóa gồm 70 thông số có D-3-Hydroxybutyrate, Folate. Thành phần Huyết thanh nền từ người. Dạng Đông khô, Mức 2, Bảo quản: 2-8°C.
70	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	76	Nội kiểm sinh hóa mức 3	Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Nội kiểm sinh hóa gồm 70 thông số có D-3-Hydroxybutyrate, Folate. Thành phần Huyết thanh nền từ người. Dạng Đông khô, Mức 3, Bảo quản: 2-8°C.
71	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	77	Hóa chất ngoại kiểm Miễn Dịch Đặc Biệt 1	Hóa chất miễn dịch đặc biệt 1 đáp ứng 10 thông số trên hệ thống máy Miễn dịch, Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: huyết thanh người. Mẫu dạng đông khô, Bảo quản: 2-8°C.
72	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	78	Hóa chất ngoại kiểm Tiền Sản	Hóa chất ngoại kiểm Sàng lọc trước sinh, đáp ứng 6 thông số. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: huyết thanh người. Mẫu dạng đông khô, Bảo quản: 2-8°C.
73	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	79	Hóa chất ngoại kiểm Ammonia/ Ethanol	Hóa chất ngoại kiểm Ammonia/Ethanol đáp ứng 2 thông số Ammonia và Ethanol. Mẫu dạng lỏng, Bảo quản: 2-8°C.
74	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	80	Hóa chất ngoại kiểm HbA1c	Hóa chất ngoại kiểm HbA1c 2 thông số. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: máu toàn phần. Mẫu dạng đông khô, Bảo quản: 2-8°C.
75	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Trần Danh	81	Hóa chất ngoại kiểm Huyết Học	Hóa chất ngoại kiểm Huyết học đáp ứng 11 thông số công thức máu trên hệ thống máy huyết học. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: máu toàn phần. Mẫu dạng lỏng, Bảo quản: 2-8°C.
76	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên	83	Hóa chất rửa máy huyết học khi tắt thiết bị	Hóa chất rửa máy huyết học khi shutdown thiết bị Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Sodium Hypochlorite Được sử dụng như chất tẩy kiềm mạnh để loại bỏ thuốc thử ly giải, dư lượng tế bào và protein máu còn lại trong thủy lực của dòng máy phân tích huyết học tự động xét nghiệm để ngăn chặn sự kết tủa của protein trong máy. Bảo quản: 2 - 30 độ C

STT	Tên nhà thầu	STT theo HSYC	Tên hàng	Đặc tính kỹ thuật
77	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên	84	Hóa chất pha loãng mẫu của máy xét nghiệm huyết học và kéo lam tự động.	Hóa chất pha loãng mẫu của máy xét nghiệm huyết học và kéo lam tự động. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Sodium chloride; Tris buffer; EDTA-2K Hóa chất pha loãng mẫu được dùng để pha loãng mẫu máu toàn phần dùng trong phân tích số lượng & kích thước hồng cầu và tiểu cầu theo phương pháp tập trung đồng chảy thủy động học. Bảo quản: 2 - 35 độ C
78	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên	85	Hóa chất ly giải hồng cầu trên kênh đo HGB của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất ly giải hồng cầu trên kênh đo HGB của máy xét nghiệm huyết học Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Sodium lauryl sulfate SULFOLYSER dựa trên phương pháp Sodium Lauryl Sulfate Chất hoạt động bề mặt ion âm Sodium Lauryl Sulfate (SLS) sẽ được ly giải màng hồng cầu và giải phóng huyết sắc tố. Đồng thời, cùng hóa chất này sẽ kết hợp với huyết sắc tố đã được ly giải tạo thành một liên kết ổn định. Thiết bị phân tích sẽ chiếu ánh sáng bước sóng thích hợp và đo độ hấp thụ. Bảo quản: 2 - 30 độ C
79	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên	86	Hóa chất ly giải màng tế bào trên kênh đo WNR của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất ly giải màng tế bào trên kênh đo WNR của máy xét nghiệm huyết học Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Organic quaternary ammonium salts; Nonionic surfactant Lysercell WNR ly giải tế bào hồng cầu và tạo điều kiện cho Fluorocell WNR nhuộm để phân tích được: Bạch cầu ưa kiềm baso và hồng cầu nhân Bảo quản: 2 - 35 độ C
80	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên	87	Hóa chất nhuộm huỳnh quang trên kênh đo WNR của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất sử dụng để nhuộm nhân tế bào nhằm đếm số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu basophils, số lượng hồng cầu nhân Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Polymethine Ethylene glycol Bảo quản: 2 - 35 độ C
81	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên	88	Hóa chất ly giải màng tế bào trên kênh đo WDF của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất ly giải màng tế bào trên kênh đo WDF của máy xét nghiệm huyết học Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Organic quaternary ammonium salts; Nonionic surfactant Lysercell WDF ly giải tế bào hồng cầu và tạo điều kiện cho Fluorocell WDF nhuộm các tế bào bạch cầu để phân tích được: bạch cầu trung tính, tế bào lympho, bạch cầu mono, bạch cầu ưa axit. Bảo quản: 2 - 35 độ C
82	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên	89	Hóa chất nhuộm huỳnh quang trên kênh đo WDF của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất nhuộm huỳnh quang trên kênh đo WDF của máy xét nghiệm huyết học Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Polymethine Methanol Ethylene glycol Fluorocell WDF sau đó được thêm vào và mẫu pha loãng được duy trì ở nhiệt độ không đổi trong một khoảng thời gian xác định để nhuộm các tế bào nhân trong mẫu. Tế bào được nhuộm sau đó được đưa vào buồng đo để phân tích cường độ ánh sáng tán xạ bên và ánh sáng huỳnh quang bên từ đó có số lượng bạch cầu Bảo quản: 2 - 35 độ C
83	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên	90	Hóa chất pha loãng mẫu cho quá trình xét nghiệm hồng cầu lưới và tiểu cầu huỳnh quang của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất pha loãng mẫu cho quá trình xét nghiệm hồng cầu lưới và tiểu cầu huỳnh quang của máy xét nghiệm huyết học Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Tricine buffer Hóa chất pha loãng mẫu được dùng để pha loãng mẫu máu toàn phần dùng trong phân tích hồng cầu lưới và tiểu cầu theo phương pháp nhuộm tiểu cầu huỳnh quang Bảo quản: 2 - 35 độ C
84	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên	91	Hóa chất nhuộm huỳnh quang trên kênh đo RET của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất nhuộm huỳnh quang trên kênh đo RET của máy xét nghiệm huyết học Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Polymethine; methanol; Ethylene Glycol Fluorocell RET được thêm vào mẫu pha loãng được duy trì ở nhiệt độ không đổi trong một khoảng thời gian xác định để nhuộm các tế bào hồng cầu lưới trong mẫu. Tế bào được nhuộm sau đó được đưa vào buồng đo để phân tích cường độ ánh sáng tán xạ thẳng và ánh sáng huỳnh quang bên từ đó phát hiện được số lượng tế bào hồng cầu lưới (RET#) và phần trăm tế bào hồng cầu lưới (RET%). Bảo quản: 2 - 35 độ C

STT	Tên nhà thầu	STT theo HSYC	Tên hàng	Đặc tính kỹ thuật
85	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên	92	Hóa chất nội kiểm mức thấp của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất nội kiểm nồng độ thấp của máy xét nghiệm huyết học đính kèm bảng giá trị cho 55 thông số báo cáo. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Các vật liệu có nguồn gốc từ người được sử dụng làm chế phẩm Hóa chất nội kiểm Level 1 đều không phản ứng với kháng nguyên Viêm gan B, âm tính với kháng thể HIV (HIV-1/HIV-2) và viêm gan C, không phản ứng với HIV-1 RNA và HCV RNA với phương pháp NAT, và không phản ứng với xét nghiệm huyết thanh học như Giang mai sử dụng kỹ thuật chuyên biệt bởi cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa kỳ Hóa chất nội kiểm mức thấp được sử dụng như chất chuẩn (Control) cho xét nghiệm công thức máu hoàn chỉnh (CBC), tách phân các thành phần bạch cầu, hồng cầu nhân (NRBC), và hồng cầu lưới (RET) trên dòng máy huyết học. Bảo quản: 2 - 8 độ C
86	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên	93	Hóa chất nội kiểm mức trung bình của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất nội kiểm nồng độ trung bình của máy xét nghiệm huyết học đính kèm bảng giá trị cho 55 thông số báo cáo. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Các vật liệu có nguồn gốc từ người được sử dụng làm chế phẩm Hóa chất nội kiểm Level 2 đều không phản ứng với kháng nguyên Viêm gan B, âm tính với kháng thể HIV (HIV-1/HIV-2) và viêm gan C, không phản ứng với HIV-1 RNA và HCV RNA với phương pháp NAT, và không phản ứng với xét nghiệm huyết thanh học như Giang mai sử dụng kỹ thuật chuyên biệt bởi cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa kỳ Hóa chất nội kiểm mức trung bình được sử dụng như chất chuẩn (Control) cho xét nghiệm công thức máu hoàn chỉnh (CBC), tách phân các thành phần bạch cầu, hồng cầu nhân (NRBC), và hồng cầu lưới (RET) trên dòng máy huyết học. Bảo quản: 2 - 8 độ C
87	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên	94	Hóa chất nội kiểm mức cao của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất nội kiểm nồng độ cao của máy xét nghiệm huyết học đính kèm bảng giá trị cho 55 thông số báo cáo. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Các vật liệu có nguồn gốc từ người được sử dụng làm chế phẩm Hóa chất nội kiểm Level 3 đều không phản ứng với kháng nguyên Viêm gan B, âm tính với kháng thể HIV (HIV-1/HIV-2) và viêm gan C, không phản ứng với HIV-1 RNA và HCV RNA với phương pháp NAT, và không phản ứng với xét nghiệm huyết thanh học như Giang mai sử dụng kỹ thuật chuyên biệt bởi cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa kỳ Hóa chất nội kiểm mức cao được sử dụng như chất chuẩn (Control) cho xét nghiệm công thức máu hoàn chỉnh (CBC), tách phân các thành phần bạch cầu, hồng cầu nhân (NRBC), và hồng cầu lưới (RET) trên dòng máy huyết học. Bảo quản: 2 - 8 độ C
88	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên	95	Hóa chất nội kiểm dịch cơ thể của máy xét nghiệm huyết học (mức nồng độ 1)	Hóa chất nội kiểm dịch cơ thể của máy xét nghiệm huyết học kèm theo bảng giá trị cho 7 thông báo cáo của xét nghiệm dịch cơ thể. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Các vật liệu có nguồn gốc từ người được sử dụng làm chế phẩm Hóa chất nội kiểm dịch cơ thể đều không phản ứng với kháng nguyên Viêm gan B, âm tính với kháng thể HIV (HIV-1/HIV-2) và viêm gan C, không phản ứng với HIV-1 RNA và HCV RNA với phương pháp NAT, và không phản ứng với xét nghiệm huyết thanh học như Giang mai sử dụng kỹ thuật chuyên biệt bởi cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa kỳ Hóa chất nội kiểm dịch cơ thể được sử dụng như chất chuẩn (Control) ở chế độ dịch cơ thể. Bảo quản: 2 - 8 độ C
89	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên	96	Hóa chất nội kiểm dịch cơ thể của máy xét nghiệm huyết học (mức nồng độ 2)	Hóa chất nội kiểm dịch cơ thể của máy xét nghiệm huyết học kèm theo bảng giá trị cho 7 thông báo cáo của xét nghiệm dịch cơ thể. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Các vật liệu có nguồn gốc từ người được sử dụng làm chế phẩm Hóa chất nội kiểm dịch cơ thể đều không phản ứng với kháng nguyên Viêm gan B, âm tính với kháng thể HIV (HIV-1/HIV-2) và viêm gan C, không phản ứng với HIV-1 RNA và HCV RNA với phương pháp NAT, và không phản ứng với xét nghiệm huyết thanh học như Giang mai sử dụng kỹ thuật chuyên biệt bởi cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa kỳ Hóa chất nội kiểm dịch cơ thể được sử dụng như chất chuẩn (Control) ở chế độ dịch cơ thể. Bảo quản: 2 - 8 độ C

STT	Tên nhà thầu	STT theo HSYC	Tên hàng	Đặc tính kỹ thuật
90	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiến	97	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm: HCVAb, HBsAg, TPAb, HIVAb	Chất kiểm chuẩn các xét nghiệm HBs antigen, HCV antibody, TP antibody, HIV antibody and HTLV-1 antibody trên hệ thống miễn dịch tự động hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Bao gồm 2 mức nồng độ Bảo quản: 2 - 8 độ C

PHỤ LỤC 2. DANH SÁCH SẢN PHẨM KHÔNG TRÚNG THẦU
(Kèm theo Quyết định số 1903/QĐ-BVĐHYD ngày 21 tháng 06 năm 2023)

STT	Tên nhà thầu	STT theo HSYC	Tên hàng	Đặc tính kỹ thuật	Tên thương mại	Mã hàng	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại mức độ rủi ro	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Lý do không trúng thầu
1	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	31	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể IgG đặc hiệu với Herpes simplex virus type 1 và/hoặc 2	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính HSV-1/2 IgG. Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Control âm: huyết thanh/huyết tương người không phản ứng với kháng thể HSV IgM - Control dương: huyết thanh/huyết tương người phản ứng với kháng thể HSV IgM Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	LIAISON Control HSV-1/2 IgG	310801	11913NK/BY T-TB-CT	DiaSorin S.p.A., Ý	DiaSorin S.p.A., Ý	Ý	C	Hộp: 2x1.3ml+2x1.3ml	Hộp	1	3.969.000	3.969.000	Giá chào cao hơn giá kế hoạch
2	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	32	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với Herpes simplex virus type 1 và/hoặc 2	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính HSV-1/2 IgM. Bao gồm: - Control âm: huyết thanh/huyết tương người không phản ứng với kháng thể HSV IgM - Control dương: huyết thanh/huyết tương người phản ứng với kháng thể HSV IgM Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	LIAISON Control HSV-1/2 IgM	310821	11913NK/BY T-TB-CT	DiaSorin S.p.A., Ý	DiaSorin S.p.A., Ý	Ý	C	Hộp: 2x1.2ml+2x1.2ml	Hộp	1	3.969.000	3.969.000	Giá chào cao hơn giá kế hoạch
3	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	43	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính với kháng thể đặc hiệu với Treponema pallidum	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính với kháng thể đặc hiệu với Treponema pallidum Bao gồm: - Chứng âm: Huyết thanh/ huyết tương người không phản ứng đối với xét nghiệm phát hiện kháng thể kháng Treponema pallidum - Chứng dương: Huyết thanh/ huyết tương người phản ứng đối với xét nghiệm phát hiện kháng thể kháng Treponema pallidum Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	LIAISON Control Treponema Screen	310841	11913NK/BY T-TB-CT	DiaSorin S.p.A., Ý	DiaSorin S.p.A., Ý	Ý	D	Hộp: 2x2ml+2x2ml	Hộp	1	7.938.000	7.938.000	Giá chào cao hơn giá kế hoạch
4	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	46	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng Calprotectin trong phân người	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng Calprotectin trong phân người. Bao gồm: - Chất kiểm chứng âm tính (đồng khô): Nồng độ kháng nguyên calprotectin tái tổ hợp ở mức thấp - Chất kiểm chứng dương tính (đồng khô): Nồng độ kháng nguyên calprotectin tái tổ hợp ở mức cao Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	LIAISON Calprotectin Control Set	318961	2100378DKL H/BYT-TB-CT	Diasorin Inc., Mỹ	Diasorin Inc., Mỹ	Mỹ	B	Hộp 2x1mL+2x1mL (Hộp 4 ml)	Hộp	1	3.417.750	3.417.750	Giá chào cao hơn giá kế hoạch
5	Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm	47	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm phát hiện interferon-γ (IFN-γ) trong mẫu huyết tương người bằng công nghệ hóa phát quang. Bao gồm 2 mức nồng độ khác nhau người bằng công nghệ hóa phát quang	Hóa chất kiểm chứng xét nghiệm phát hiện interferon-γ (IFN-γ) trong mẫu huyết tương người bằng công nghệ hóa phát quang. Bao gồm 2 mức nồng độ khác nhau người bằng công nghệ hóa phát quang Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	LIAISON Control QuantiFERON-TB Gold Plus	311011	12324NK/BY T-TB-CT	DiaSorin S.p.A., Ý	DiaSorin S.p.A., Ý	Ý	C	Hộp 2x2mL+2x2mL (Hộp 8 ml)	Hộp	1	4.630.500	4.630.500	Giá chào cao hơn giá kế hoạch

THÀNH